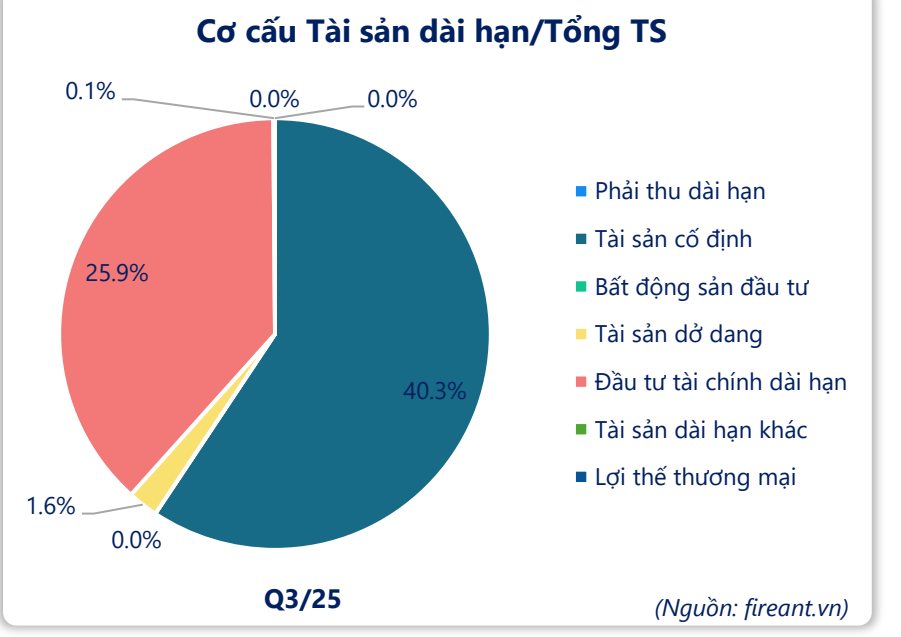
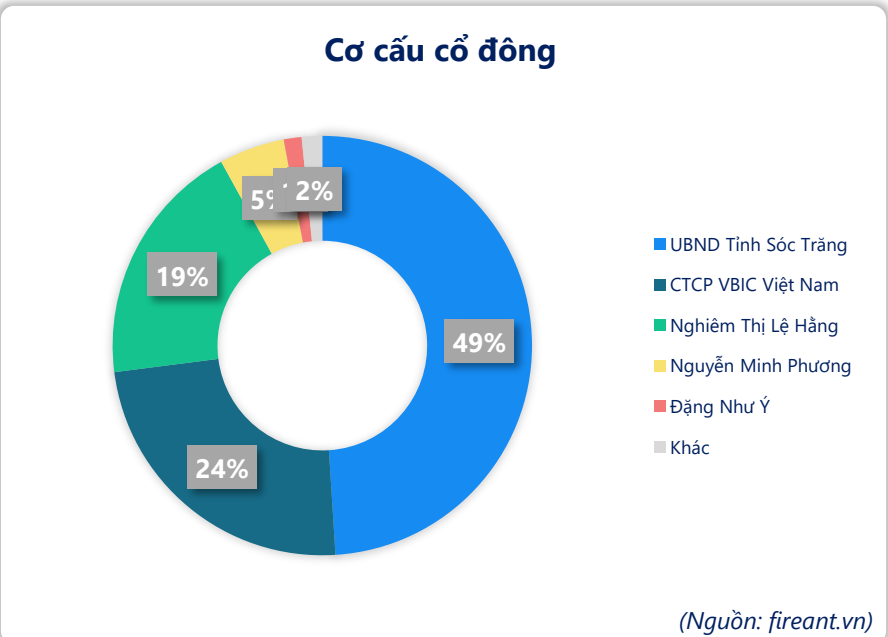
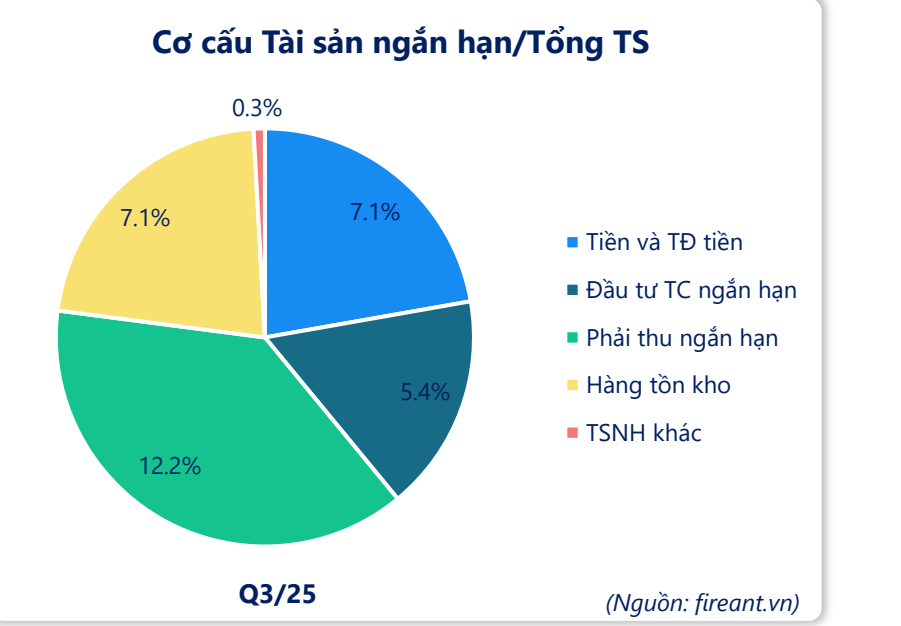
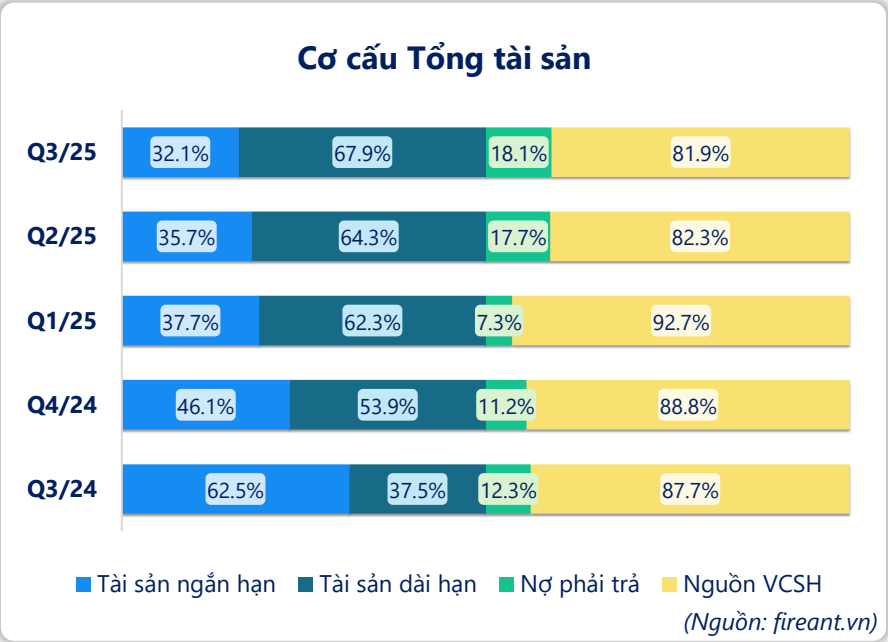
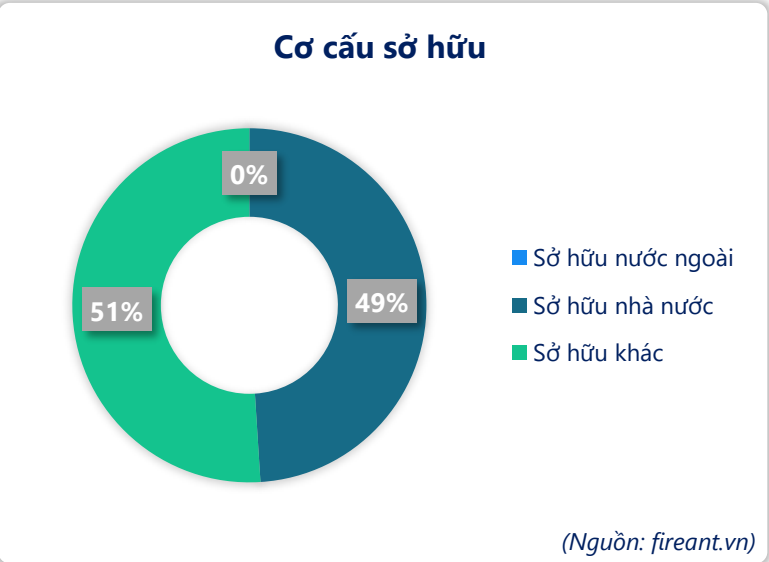
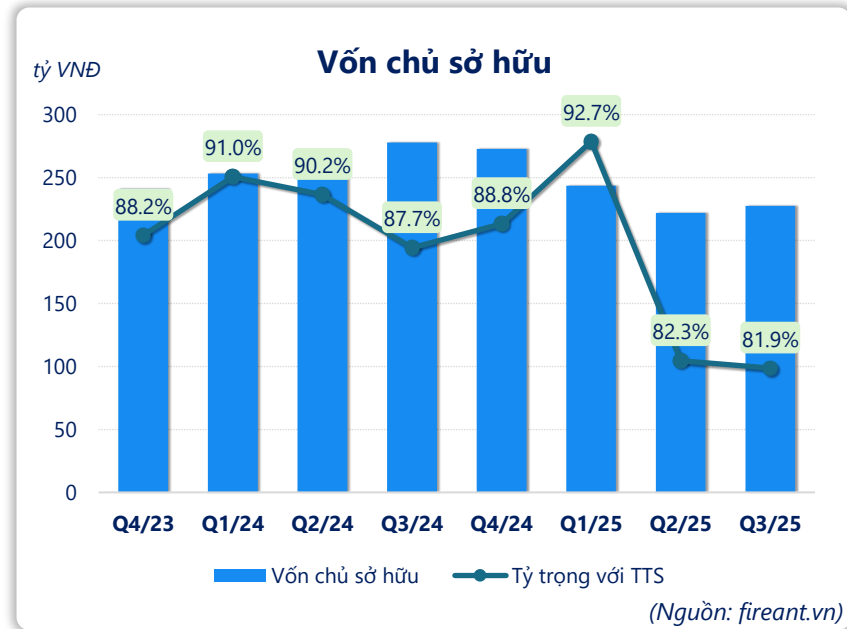
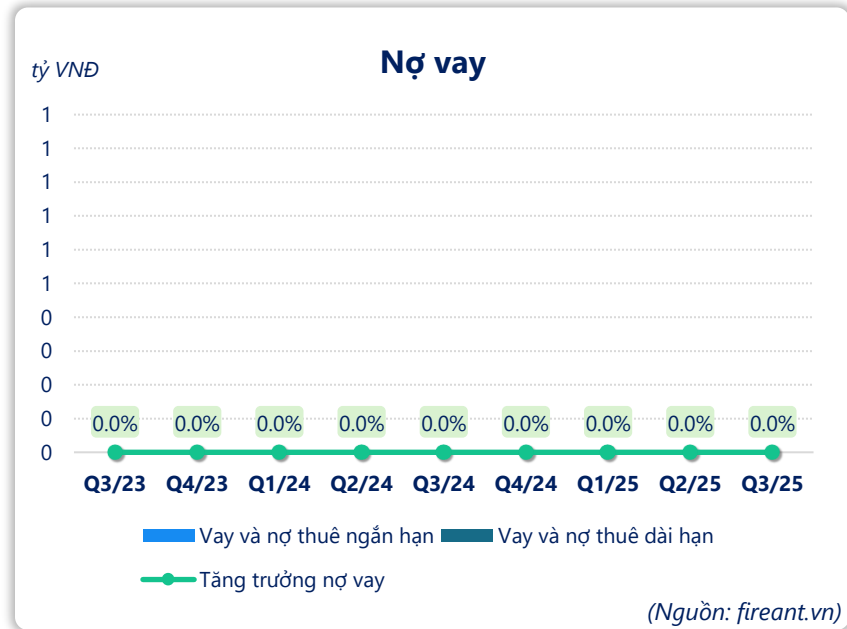
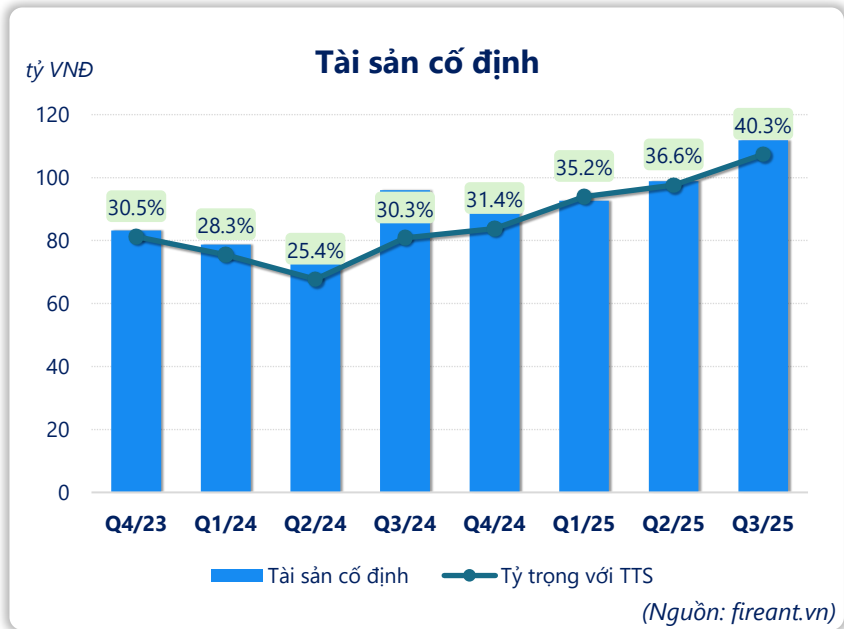
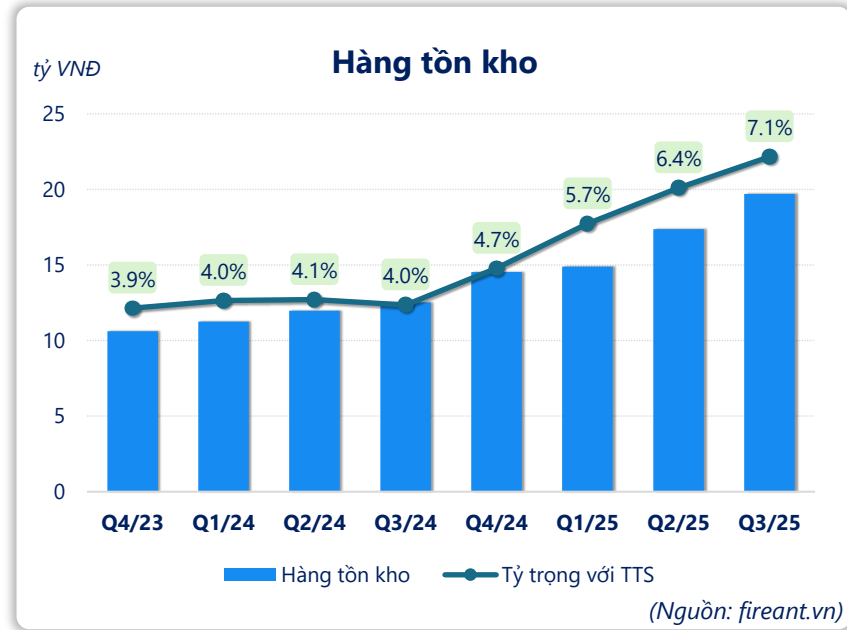
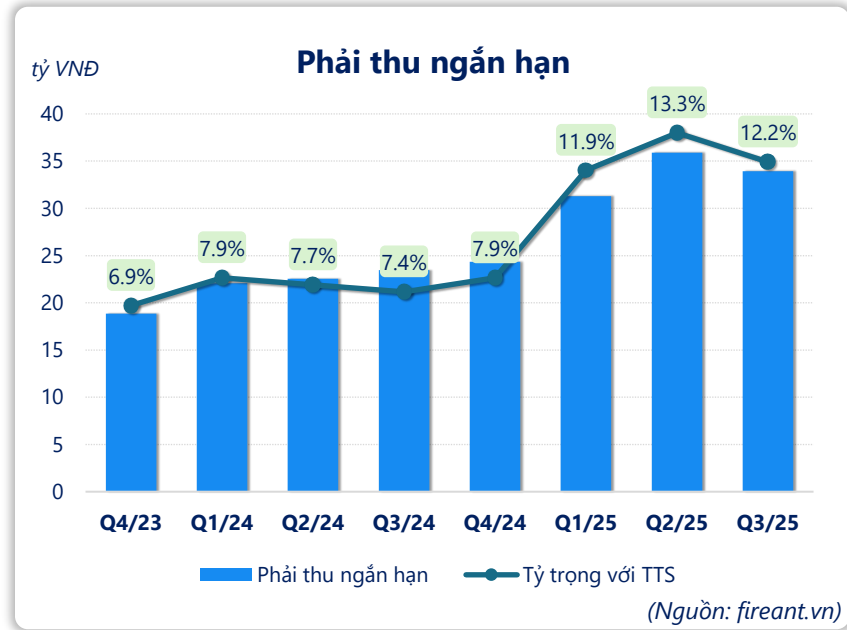
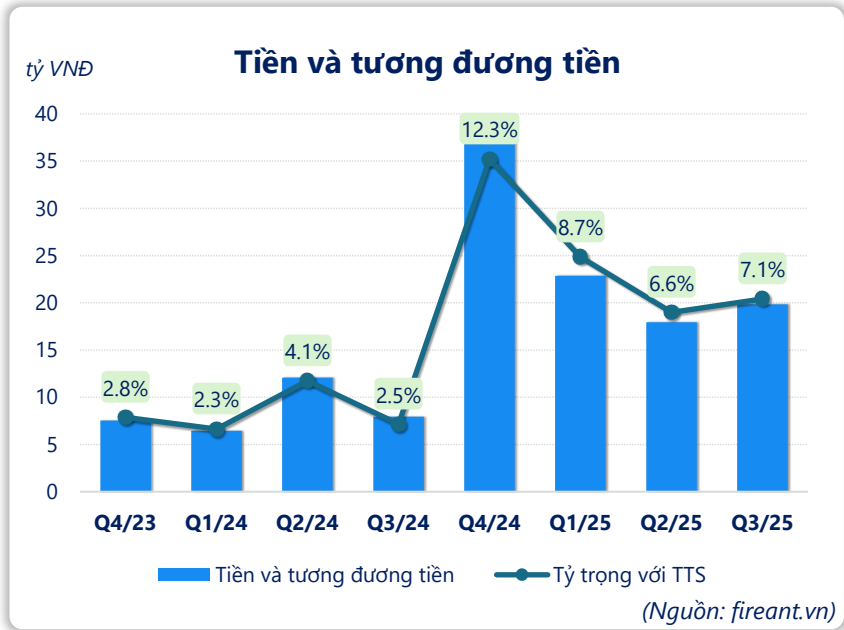
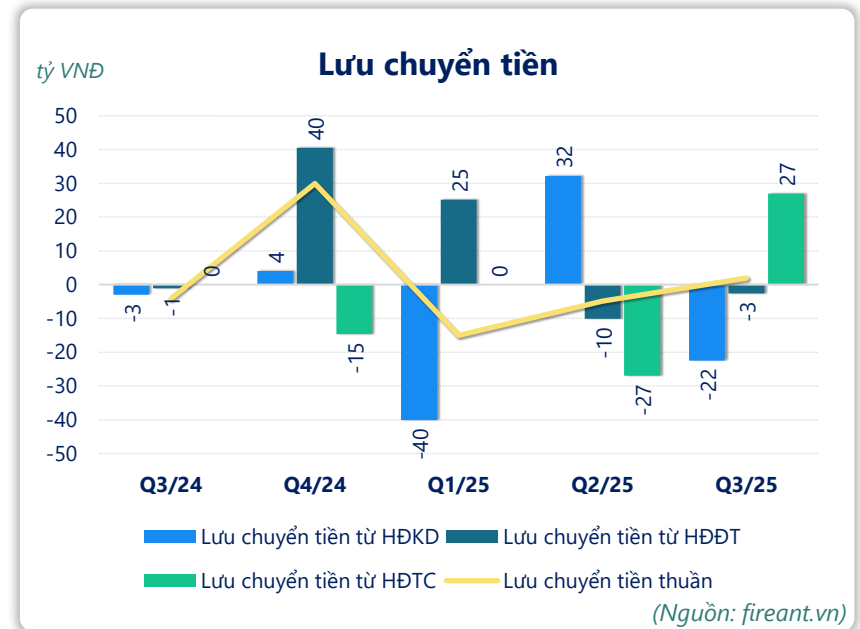
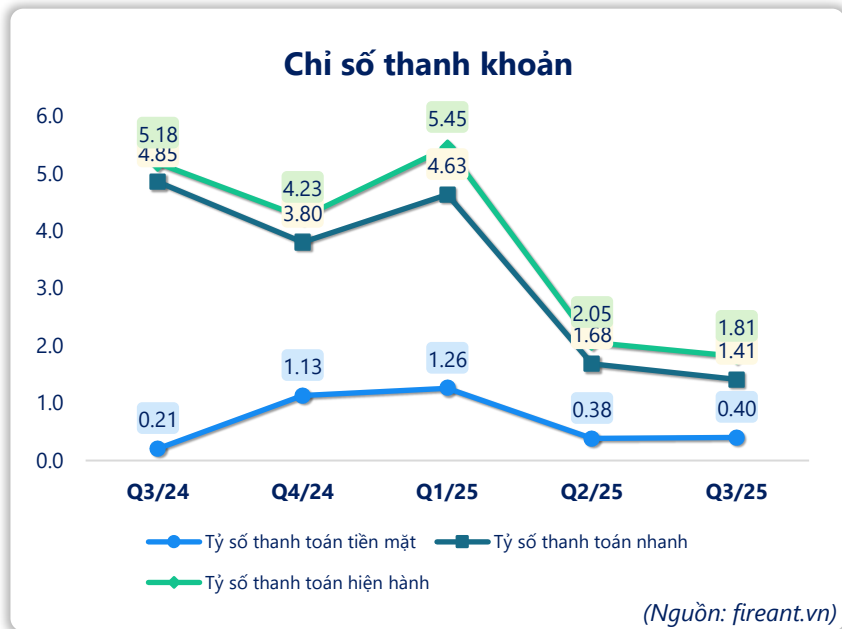
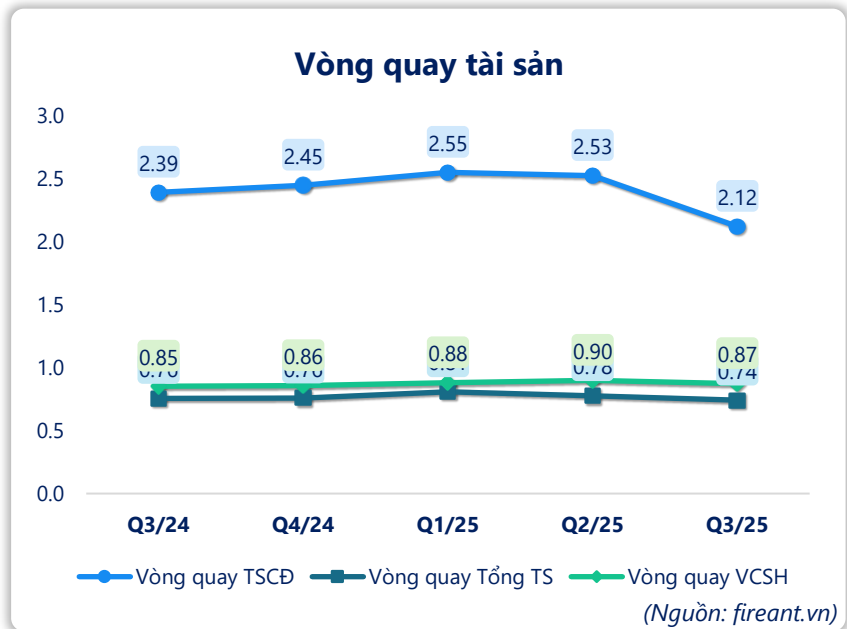
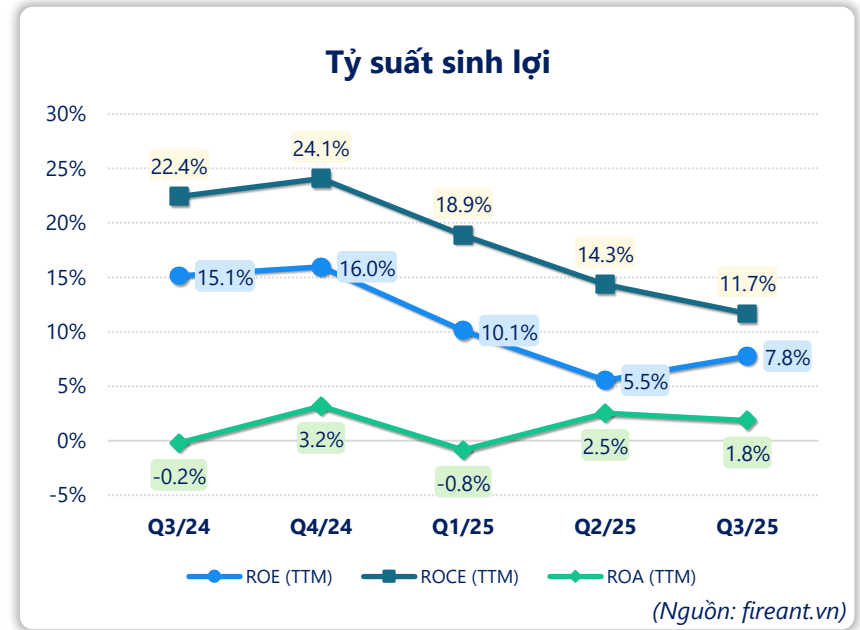
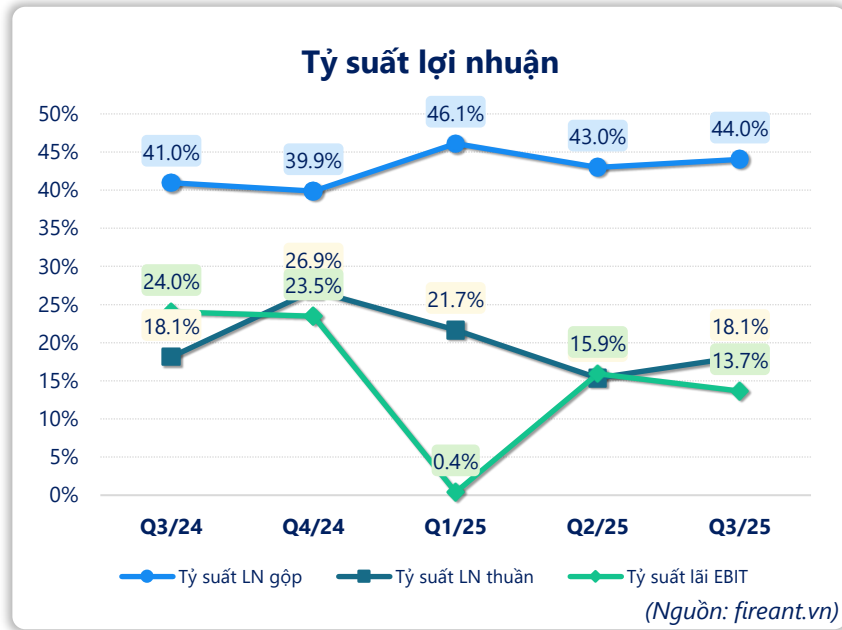
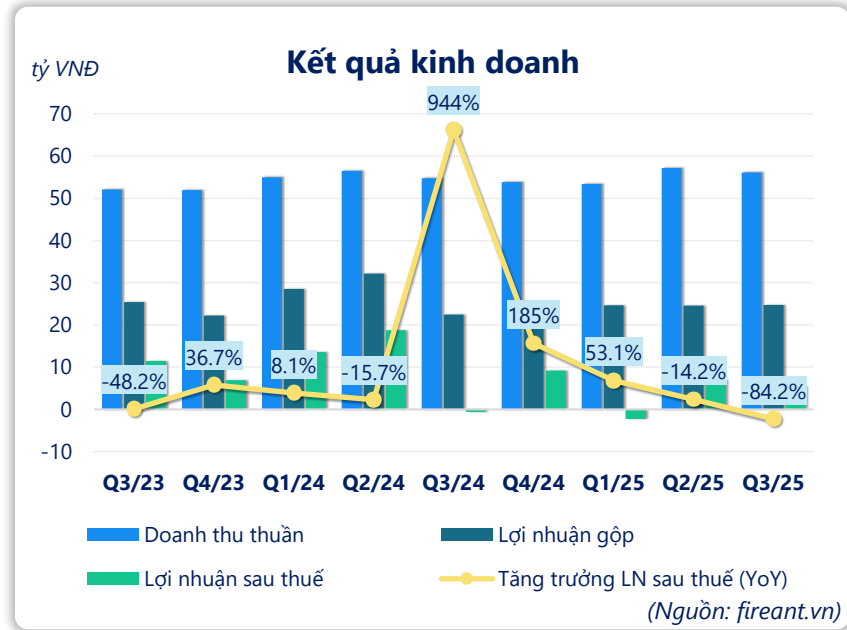


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		35,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		47,397
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		22,240
SL cổ phiếu LH		15,863,133
KLGD BQ 20 phiên (CP)		5
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		568
P/E		29.0
EPS		1,235

	YTD	1T	3T	6T
STW	12.6%	20.3%	20.3%	-6.3%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	278	307	-9.6%
Tài sản ngắn hạn	89.2	142	-37.0%
Tiền và tương đương tiền	19.8	37.9	-47.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	15.0	65.0	-76.9%
Phải thu ngắn hạn	33.9	24.3	39.4%
Hàng tồn kho	19.7	14.5	35.5%
Tài sản ngắn hạn khác	0.78	0	
Tài sản dài hạn	188	166	13.9%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	112	96.6	15.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	4.31	1.68	157%
Đầu tư tài chính dài hạn	72.1	67.1	7.5%
Tài sản dài hạn khác	0.24	0.20	20.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	50.2	34.4	45.9%
Nợ ngắn hạn	49.2	33.5	47.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	5.34	3.88	37.4%
Nợ dài hạn	0.95	0.90	6.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	228	273	-16.6%
Vốn chủ sở hữu	228	273	-16.6%
Vốn điều lệ	159	159	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	54.8	53.9	53.4	57.1	56.1
Giá vốn hàng bán	32.3	32.4	28.8	32.6	31.4
Lợi nhuận gộp	22.5	21.5	24.6	24.6	24.7
Doanh thu HĐTC	1.90	10.6	0.53	0.36	0.09
Chi phí TC	0	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	5.27	8.05	6.65	8.24	5.85
Chi phí QLDN	9.14	9.56	6.92	7.89	8.77
LN thuần từ HĐKD	9.93	14.5	11.6	8.79	10.2
Lợi nhuận khác	3.23	-1.83	-11.4	0.31	-2.51
LN trước thuế	13.2	12.6	0.21	9.10	7.66
Lợi nhuận sau thuế	-0.60	9.23	-2.27	7.17	5.48
LNST của CĐ cty mẹ	-0.60	9.23	-2.27	7.17	5.48

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-3.04	4.07	-40.2	32.1	-22.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.12	40.5	25.1	-10.1	-2.61
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-14.6	0	-27.0	27.0
Tiền đầu kỳ	12.1	7.93	37.9	22.8	17.9
Lưu chuyển tiền thuần	-4.16	29.9	-15.0	-4.91	1.90
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	7.93	37.9	22.8	17.9	19.8

(Nguồn: fireant.vn)